

VÔ VI QUY NGUYÊN
TỬ TRI NGUYÊN

TRÌNH KIẾN GIẢI

TẠP CHÍ QUY NGUYÊN PHÁT HÀNH NĂM 1997

LỜI GIỚI THIỆU

- Kính thưa quý huynh trưởng và quý pháp hữu Từ Tôn.
- Kính thưa quý vị đến với Quy Nguyên Đạo Pháp.

Tạp Chí Quy Nguyên đã phát hành:

- Sơ Lược tiểu sử Đức Ngài Pháp Chủ
- Lời tự thuật của ông Lê Văn Ngọc thánh danh Từ Tri Nguyên là những lời thật mang niềm tin đến nhiều người trên khắp thế giới biết sự hiện diện của Đấng Cứu Thế nơi cõi đời này. Nhờ đó nhiều người thức giác, tìm đến và bước vào Vô Vi Quy Nguyên.

Trình Kiến Giải mà quý vị đang cầm trên tay đây mở tiếp thêm hướng đi trở về nguồn cội. Đó là Tâm. Với cách trình bày dễ hiểu, bằng vài ví dụ thực tế, giúp người đọc hiểu phần nào về:

- Sự thanh tịnh, tâm giả hữu, thân giả hữu.
- 12 nhân duyên như vòng tròn mắc xích đưa nhân sanh vào vòng sanh tử.
- Trí huệ Bát Nhã, mở ra sự hiểu biết vô cùng tận
- Pháp “Kiến tánh thành Phật” là dụng công định huệ là hành Bồ Tát hạnh như lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ và các hạnh lành, từ bi hỷ xả, tự giác giác tha....như pháp phương tiện khai mở tâm. ““lô

dạng tâm Như Lai sẵn có nơi mỗi nhân sanh”, “Chỉ vì mê lầm nên chưa tự biết đó thôi”.

- Chìa khóa quý của người học Đạo là:

“Đem linh quang soi đơn điền, bế nhĩ căn, thông lục hạp, chơn tánh xuất”, mà Đức Ngài Pháp Chủ đã truyền trao quý pháp hữu Từ Tôn.

Người học Đạo không nhất thiết phải vào chùa, lên rừng núi, vào am cốc, tìm nơi thanh vắng hay sống khổ hạnh. Mọi hoàn cảnh đều là nơi học đạo. Trường đời là trường Đạo Pháp. Ngay nơi trần cảnh đổi thay liên tục là những bài học tại chỗ. Thí dụ như:

- Học tự chủ việc làm, ý nghĩ theo chiều hướng
- thương, hướng thiện.
- Học hình thành “tâm không phân biệt”.
- Học “Tâm ý và ý thức thanh tịnh” trước đối
- cảnh,....

Ai cũng có thể học theo khả năng của mình và có khả năng nhận ra bản lai diện mục.

Thầy Từ Tri Nguyên là vị pháp hữu hàng kề cận Đức Ngài và được học hỏi nhiều. Trình Kiến Giải là một trong những thu hoạch của Thầy. Đọc Trình Kiến Giải cho thấy mở ra hướng đi thích ứng với hoàn cảnh nhân sanh thời nay, như ngọn đuốc soi bước đi đúng

hướng vào thời kỳ cuối cùng sắp chấm dứt.
Thật là một bảo pháp.

Với Trình Kiến Giải, hảo học chúng tôi thiết nghĩ nên tìm hiểu dần dần lần ra nhiều điểm son quý ẩn tàng và làm rộng sáng thêm con đường mà Đức Ngài Pháp Chủ đã mở ra cho nhân sanh, đưa nhân sanh sớm bước lên Vô Vi Quy Nguyên trở về bên Đức Vua Cha luôn rộng mở vòng tay chờ đón.

Được sự cho phép của Đức Thầy Từ Minh Đạt, Hậu Thân của Đức Ngài Pháp Chủ, Tạp Chí Quy Nguyên xin phép cùng quý huynh trưởng và quý pháp hữu viết vài lời thô thiển này vào dịp phát hành Trình Kiến Giải, một đóa hoa trong vườn hoa Vô Vi Quy Nguyên Đạo Pháp.

Nam Mô A Di Đà Phật
Chủ Nhiệm Tạp Chí Quy Nguyên
Từ Tâm Thiện Phước kính bút

SỰ THANH TỊNH

Giáo lý, kinh điển của Phật có dạy:
Chỉ cần có tâm thanh tịnh là cõi Phật tự thanh tịnh,
tâm thanh tịnh là đặc lực thông, là có trí huệ sáng
suốt vô cùng tận, là thần thông diệu dụng không thể
nghĩ bàn.

Tâm thanh tịnh giúp cho ta có một trí óc thanh
thản an vui là lợi ích thực tiễn gần gũi nhất mà mọi
người trong chúng ta đều ao ước khi đầu óc của
chúng ta lúc nào cũng bị trần cảnh làm cho quay
cuồng điên đảo.

Đức Sư Huynh đã giảng dạy: “Ở cõi Phật lấy Tịnh
là căn cơ, ở cõi Tiên lấy Động để tìm tâm thanh
tịnh. Chung quy các cõi đều tầm tâm thanh tịnh”.

Như vậy chúng ta thấy rằng ở cõi Tiên là cõi an
vui, thanh tịnh, không có đấu tranh, không có sanh,
già, bệnh, chết mà vẫn còn phải tìm tâm thanh tịnh
huống hồ chúng ta đang ở cõi trần đầy sự dao
động, đầy sự khổ não bức ngạt của sanh, già, bệnh,
chết mà không lo tìm tâm thanh tịnh hay sao? Đó là
điều cần suy gẫm lại. Còn làm sao để tìm được tâm
thanh tịnh thì pháp hữu chúng ta hẳn đã biết rồi. Đó
là pháp môn Thiên Định vô cùng quý báu của Đức
Phật đã trao truyền lại cho chúng sanh là pháp môn
mà chúng ta có phúc duyên được Đức Sư Huynh chỉ
dạy cho chúng ta đang hành đây vậy.

Người đời phàm làm việc chỉ nếu muốn có kết quả tốt đều phải tốn nhiều công sức trau dồi, nghiên cứu, sửa chữa.... mới nên được. Việc tu thiền của chúng ta cũng vậy. Muốn đạt đến tâm thanh tịnh thì phải có tâm chí vững chắc, nắm chặt pháp môn và hành theo một cách rất ráo, chuyên cần, tinh tấn không giờ khắc nào buông bỏ thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt đến kết quả mong muốn không sai vậy.

Thầy đã từng dạy: “Đời không có việc chi khó, chỉ tại nơi tâm mình không chuyên cần mà thôi”.

Một thí dụ cụ thể để cho ta thấy rõ công năng của Thiền Định là ta hãy múc một ly nước đục chứa đầy cặn bẩn, bụi bặm.

Để yên ly nước ở một góc bàn nào đó, đừng động đến nó trong một vài giờ. Chúng ta thấy gì? Bụi dơ, cặn bẩn lần lần lắng đọng xuống đáy ly, ly nước bắt đầu trong dần cho đến khi hoàn toàn trong suốt.

Hãy gạn lấy phần nước trong phía trên, loại bỏ phần cặn bã dưới đáy ly, ta sẽ có một ly nước sạch trong. Nhưng khoan vội mừng, tiếp tục để yên cái ly nước trong đó một thời gian lâu hơn nữa vài ngày đến vài tuần, ta sẽ thấy dưới đáy ly lại đóng một lớp mỏng cặn bẩn nữa tuy có ít hơn lần trước.

Hãy gạn lấy nước trong, loại bỏ cặn bẩn kia ra và tiếp tục quá trình lắng trong như trên cho đến khi dưới đáy ly không còn cặn bẩn lắng đọng nữa. Lúc đó ly nước mới hoàn toàn trong sạch. Ly nước này tượng trưng cho cái Tâm Thanh Tịnh của chúng ta

đó vậy. Bụi căn kia là phiền não, nhiễm ô trước của dục vọng đã bị loại trừ. Và bây giờ tha hồ chúng ta lắng đọng cái ly cách nào đi nữa thì nó vẫn cứ trong suốt mà thôi.

Đó là hình ảnh của Tâm Thanh Tịnh khi đã đạt được rồi thì luôn an nhiên, tự tại, vô ngại không còn bị ảnh hưởng bên ngoài nữa. Nhờ công phu thiền định có tác dụng giống như lắng lọc cái ly nước mà chúng ta lần lần gạt bỏ ra ngoài tâm ta mọi trước trần, phiền não, nhiễm ô, dục vọng, vọng niệm, tham, sân, si, ái,...

Một khi chúng ta đã xa lìa tất cả vọng tưởng, không còn một mây may nào dù nhỏ đến đâu trong tâm ta, lúc đó ta đã đạt đến chơn như thể của thanh tịnh tâm rồi vậy. Tùy theo căn cơ mà kết quả đến với chúng ta mau hay chậm, cũng như ly nước kia nếu chứa nhiều căn bản thì thời gian lắng lọc ngắn hơn vậy thôi.

Đó cũng là lý do tại sao bước vào Thiền Định chúng ta phải chuyên cần tinh tấn đừng để công phu bị gián đoạn, đừng thoái chí, nản lòng. Cứ một mực trau dồi cái tâm không bao giờ buông bỏ như gà ấp trứng thì nhứt định có ngày tâm ta sẽ sáng tỏ. Đó là nguyên lý tất yếu mà chúng ta cần phải nắm vững. Nếu ta không chuyên cần, tinh tấn, công phu gián đoạn, công phu lầy có, thì chẳng khác nào ly nước kia vừa để yên chưa kịp lắng trong đã bị động, lắc lư, thì làm sao và biết đến chừng nào ly nước mới trong được. Xin hãy cùng để tâm suy nghiệm vậy.
Tháng 10 năm Tân Dậu, 1981

VÔ MINH LÀ GÌ?

Đáp lại câu hỏi trên của một pháp hữu, Đức Sư Huynh đã dạy: “Vô Minh là do sự chấp vọng mong cầu, sanh ra ảo vọng làm mờ đục cái chân tâm, tức làm cho con người mù quáng, hàng động sai với sự thật của lương tri, bị lôi cuốn vào danh, lợi, tình. Vì nhiễm vào cái niệm đó là Nhân, mà gây ra thế gian ảo vọng, là gốc sanh ra sanh, lão, bệnh, tử...”

Lời Thầy dạy ngắn gọn nhưng hàm chứa diệu nghĩa vô biên, trí cạn của tôi e chỉ hiểu đôi phần thô thiển. Tôi cố gắng trình cái hiểu của tôi về vô minh với quý pháp hữu, kính mong các vị huynh, tỷ soi sáng, bổ túc thêm cho những chỗ còn thiếu sót, sai lầm.

Vô minh có nghĩa là không sáng, đồng nghĩa với bất giác còn gọi là Mê. Từ trong A Lại Da Thức và do vọng niệm mà sanh ra vô minh tức là sự mê lầm. Nhưng thử hỏi mê lầm của chúng sanh từ vô thủy đến nay là mê lầm cái gì? Đó là cái vọng chấp mà Thầy đã dạy. Vọng chấp cái gì? Vọng chấp Ngã và vọng chấp Pháp đó vậy. Vọng chấp ngã là chấp có Ta. Chấp Ta lại có hai phần:

- Chấp thân xác là Ta
- Chấp Tâm là Ta. Cả hai đều mê lầm.

1. Chấp thân xác là Ta là mê lầm tại sao?

Vì thân xác là đất, nước, gió, lửa do nhân duyên hòa hợp mà thành, giả gọi có. Khi nhân duyên hết

hòa hợp thì thân xác sẽ tan rã trở về với đất, nước, gió, lửa gọi là Chết. Trong bốn chất: Đất, Nước, Gió, Lửa chẳng có cái gì là Ta cả. Nếu Đất, Nước, Gió, Lửa là Ta thì khi chết ta thành ra bốn Ta vậy nếu thành Phật cũng thành bốn vị Phật sao? Xét về phương diện khoa học, có thể là sự kết tạo của hàng tỷ tế bào nhỏ mà thành ra thịt, da, xương, máu, lông, tóc, não, ngũ tạng, lục phủ. Mỗi tế bào có sự sống riêng của nó và cũng sanh diệt không ngừng. Vậy cái gì thật là Ta? Ta là tế bào nào? Thân này thành ra hàng tỷ Ta chứ đâu chỉ có một Ta.

Rốt ráo ta nhận rõ quả thật không có gì là Ta hết chỉ vì mê lầm nên mới nhận lầm thân này là Ta. Nó chỉ là cái Ta giả tạm mà thôi chứ không phải là Ta thật tức Chơn Ngã.

Cái mê lầm này vô tình đã tạo ra bao nhiêu đau khổ cho chính ta và kẻ khác bằng cách tranh giành danh, lợi, tình, không từ một mưu mô xảo trá nào, không tội ác nào không làm. Nhơn loại giết hại nhau không thương tiếc.

2. Cháp Tâm là Ta:

Cháp thân là Ta khi ngộ lý rồi thì dễ dứt trừ nhưng cháp tâm là Ta khó dứt trừ nhưt. Thân ta có sáu Căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý khi đối đãi tiếp xúc với sáu Trần bên ngoài là cảnh sắc, âm thanh, mùi hương, ngũ vị, chạm xúc da thịt, lời nói thì sanh ra sáu sự hiểu biết gọi là sáu Thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức. Mỗi thức này đều tự nhận là Ta. Thí dụ: Ta thấy, Ta nghe, Ta ngửi, Ta nếm, Ta biết. Đức Phật

gọi đó là Tâm Phan Duyên hay Tâm Giả, Tâm Sanh Diệt vì khi có cảnh trần thì tâm sanh, dứt cảnh trần thì tâm diệt. Chẳng hạn khi còn tiếng nhạc phát ra thì cái tâm nghe còn, khi tắt nhạc đi thì tâm nghe dứt. Tất cả những cảm nghĩ, sướng khổ, vui, buồn, thiện, ác, phải, quấy đều từ cái tâm giả đó sanh ra mà ta lầm chấp đó là Ta nên mới phải chịu cảnh luân hồi suốt kiếp, chịu vào cái luật sanh, diệt của Thượng Đế vì cái tâm giả kia nó sanh diệt không ngừng nghỉ. Ta để cho sáu tên giặc đoạt mất ngôi chủ làm cho chủ khách lẫn lộn, nghe theo sự xúi bỉnh của sáu tên giặc tạo ra biết bao nghiệp chướng phải vướng vào luật Nhân Quả chịu mãi cảnh khổ luân hồi sanh tử. Nếu nay thức giác sự lầm chấp trên thì sẽ không còn Mê nữa như lời Thầy dạy: “Nếu biết là giấc mộng thì không còn mê nữa”.

Vậy chấp pháp tức là cho các pháp là thật có. Có thể giới, có chúng sanh, có pháp thiện, pháp ác, pháp chánh, pháp tà, có pháp để tu hành giải thoát và có quả vị để đạt đến rốt ráo là Phật. Phần vô minh này rất khó diệt trừ, hàng Bồ Tát tu hành trải qua 54 quả vị mới hoàn toàn dứt trừ vô minh để đạt quả vị thứ 55 là Diệu Giác Bồ Tát tức Phật.

Để phá cái tâm chấp ngã, chấp pháp này mà Đức Phật Tổ đã giảng bộ Kinh Kim Cang. Cốt yếu của kinh tóm lại là bài Kinh Bát Nhã mà các phật tử thường tụng hay gom lại còn tứ cú kệ là Ngã, Nhơn, Chúng Sanh và Thọ Giả. Lìa hết các tướng là Phật cũng không ngoài lìa 4 tướng Ngã, Nhơn, Chúng Sanh và Thọ Giả vậy.

VÔ MINH SANH HOA RA SAO?

Sự sanh hóa của Vô Minh đã được Đức Phật giảng dạy qua Thập Nhị Nhân Duyên, tức 12 mắt xích của cái vòng Vô Minh là Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão, Tử.

Do một vọng niệm vô thi mà thành ra vô minh nó che lấp cái sáng suốt, yên lặng của chơn như thể và vọng hiện ra thế giới và chúng sanh từ đó mà có những hành vi tạo tác gọi là Hành. Từ những hành vi tạo tác phát sanh ra các thứ tâm phân biệt, hiểu biết gọi là Thức (Connaissance sensorielle). Thức bị vô minh và hành nghiệp dẫn dắt mà nhập vào bào thai tạo ra hình hài xác thể gọi là Sắc và các trạng thái của Tâm gọi là Danh là Thọ, Tưởng, Hành, Thức và cũng từ cái Tâm phân biệt đó mới đặt ra những tên gọi cho tất cả các vật trên thế gian gọi là Danh và Sắc (Nom et Forme).

Từ Danh Sắc mới có sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài như đã nói ở phần chấp tâm. Hai cái Căn và Trần đối đãi nhau, sáu căn là cửa để sáu trần dọi vào đó, nên gọi là Lục Nhập. Trần cảnh dọi vào mắt sanh ra nhãn thức, âm thanh dọi vào tai sinh ra nhĩ thức, hương trần lọt vào mũi sinh ra tỷ thức, vị trần để vào lưỡi sinh ra thiệt thức.

Khi Căn và Trần giao tiếp nhau sanh ra xúc chạm gọi là Xúc (contact). Có xúc chạm mới tạo nên cảm giác nóng, lạnh, ẩm, êm, cứng, mềm gọi là Thọ (Sensation).

Do có Thọ cảm mà sanh ra ham muốn ưa muốn gọi là Ái (Désir). Do lòng ham muốn, khát vọng, mong cầu mà phát sanh ra Thủ (Attachement à l'existence) tức là giữ chặt lấy cái vật mà mình yêu thích vì sợ mất nó. Vì ham muốn vật chất, tánh mạng mà tạo nghiệp thiện ác và khi chết đi con người lại lo chạy tìm một thân khác thay vào cho cái thân vừa mất đi nên gọi là Hữu. Đó là nguyên do chúng sanh luân hồi sanh tử không dứt.

Do ý muốn có thân mang trở lại và do nghiệp lực tạo ra chuyển hóa mà chúng sanh lại nhập vào bào thai để đầu sanh trở lại kiếp khác gọi là Sanh (Naissance) và lại chịu vào cái luật sanh diệt của Thượng Đế tức là hễ có sanh ra thì tất có già chết gọi là Lão, Tử, Bi, Ai, Khổ não.

Đó là 12 mắt xích dính liền nhau của Vô Minh sinh hóa, luân chuyển vô cùng, vô tận tạo ra Luân Hồi Sinh Tử từ vô thi cho đến nay.

Nếu muốn dứt trừ vô minh là phải dứt trừ 12 nhân duyên trên, tức là phải phá tan 12 mắt xích vừa nói. Nếu ta diệt được Tâm Ái thì sẽ không có Thủ, Hữu, Sanh, lia được thức thì Danh, Sắc, Lục, Nhập, Xúc và Thọ cũng không còn. Tâm lúc nào cũng an trụ trong chánh niệm tức là Vô Niệm thì Hành phải Diệt và một khi Hành đã diệt thì Vô Minh không

diệt cũng tự tan biến vì không còn tác dụng chi nữa. Đây là ta quyền biến lựa chọn những mắt xích trọng yếu nhất của 12 khoen của vô minh để tấn công vào đó, phá một khoen thì 12 khoen phải rời ra. Làm như vậy tuy có tổn công phu nhiều hơn nhưng lại thích hợp với căn cơ của chúng sanh hơn.

Còn các vị Thịnh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, La Hán thì chỉ cần phá cái khoen đầu tiên là Vô Minh thì 11 khoen sau tất dứt ngay. Mà muốn phá vô minh phải nhờ sức của Định, Huệ.

Chúng ta chưa có Định, cũng chưa có Huệ làm sao phá ngay vô minh cho được. Vì lý do đó chúng ta phải phá các khoen vừa sức ta trước đã. Tức là Ái, Thủ, Hữu và phá lần lên trên cho tới Hành. Tay chân, mình mẩy của vô minh đã chặt đứt cả chỉ còn cái đầu là chính vô minh thì không cần chặt cũng chết.

Phật đi thuận theo dòng vô minh, còn ta lợi ngược dòng vô minh, lợi ngược tất vật vả vậy.

Trên đây là chỗ hiểu của tôi lý do tại sao Phật dạy diệt Vô Minh trước còn trong bài Pháp của Thầy thì dạy chúng ta phải diệt Sinh trước.

Xin các huynh, tỷ soi sáng cho những chỗ hiểu biết sai lầm của tôi.

Nam Mô A Di Đà Phật

Tháng 10 năm Tân Dậu (1981)

TRÍ HUỆ **BÁT NHÃ**

Kính xin thưa trước với quý huynh, tỷ, đây chỉ là cái hiểu của tôi về lời giảng của Thầy như thế nào thì tôi xin trình bày như thế đó để cùng soi sáng cho nhau chớ những điều trình bày sau đây chắc không phải là cái hiểu của Trí Huệ Bát Nhã.

Trí Huệ Bát Nhã là siêu trí huệ (Intelligence Supranormale). Đức Thầy có giảng rằng: “Chỉ có người nào đạt được Trí Huệ Bát Nhã mới hiểu được Trí Huệ Bát Nhã mà thôi”.

Tôi chưa từng đạt được Trí Huệ Bát Nhã đâu dám vọng ngôn. Đây giống như kẻ chưa từng thấy Sư Tử nghe người thấy rồi mô tả lại học thuộc lòng rồi cũng bắt chước mô tả lại, nhưng có nhiều khi mô tả không đúng thêm sùng, thêm nanh. Bỏn phận làm học trò phải trả bài cho Thầy nghe xem có thuộc bài hay không vậy thôi. Thuộc bài là một việc, hiểu bài lại là việc khác. Tuy nhiên thuộc bài cũng giúp ích cho ta, sau này khi gặp cảnh thực thì nhận biết được dễ dàng.

Về Trí Huệ Bát Nhã Thầy dạy:

- Trí Huệ Bát Nhã là Thông, Minh, Huệ hiểu rõ sự lý dứt bỏ được lầm lạc, mê muội, tham, sân, hận, là Bồ Đề, khiến cho sáu căn, sáu trần hiệp với chân tâm thường trụ, tứ đức ung dung tự tại là bậc Vô Thượng Chánh Đẳng, Chánh Giác. Lìa xa các tướng là Phật, đắc nhập cái chân lý thật tướng, tìm phương

tiện để cứu độ chúng sanh, đưa chúng sanh đến bờ giác, đến quả vị Niết Bàn....”.

- Trí Huệ Bát Nhã như một thứ hiểu mà không hiểu, biết mà không biết. Nó là vô tâm hay vô niệm tức là không thể ý niệm. Trí huệ Bát Nhã là tôn chỉ cuối cùng để bước sang quả vị Phật, là hạnh thứ sáu trong sáu hạnh của các vị Bồ Tát đang thực thi để đến quả vị Phật. (còn gọi là lục độ: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Trí Huệ).

Thầy nói Trí Huệ Bát Nhã là Thông, Minh, Huệ. Theo tôi hiểu thì ngay ba chữ này cũng chỉ là gượng dùng để chỉ ba đặc tính cốt yếu nhất của Trí Huệ Bát Nhã mà thôi. Giống như nói lửa thì nóng, sáng, nước thì lạnh ướt. Nóng, sáng, lạnh, ướt chỉ là đặc tính của lửa và nước. Tuy vậy đặc tính không rời bản thể. Thông, Minh, Huệ cũng vậy chỉ là đặc tính chứ không phải bản thể Trí Huệ Bát Nhã, nhưng cũng không rời Trí Huệ Bát Nhã.

Vì khó chỉ rõ bản thể nên tạm mượn đặc tính để chỉ đó thôi. Vậy Thông là gì? Là trong suốt, không có vật gì ngăn bót, như Hư Không rộng lớn trùm khắp vũ trụ, không có vật gì che ngăn được hư không.

Minh là sáng, sự sáng suốt vô cùng tận và rộng lớn như hư không là cái trí tượng trưng bởi Đức A Di Đà Phật. Huệ là hiểu biết chơn thật, thấu rõ vạn vật, sự, lý, càn khôn, vũ trụ, tất cả các tướng thế gian và xuất thế gian, tất cả các cảnh giới Phật trong

khắp 10 phương hư không vô cùng tận, tất cả tâm hạnh của tất cả chúng sanh trong hằng sa thế giới, nghiệp quả của chúng sanh đã tạo ra từ vô thủy đến hiện tại và tương lai vô cùng, tức là trong ba đời (Quá khứ, Hiện tại, Vị lai), tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, tất cả tạng pháp bí mật của chư Phật trong ba đời để tùy thuận theo căn cơ chúng sanh mà giáo hóa cho đến rốt ráo đạt quả vị Vô Thượng, Chánh Đẳng, Chánh Giác. Nếu hiểu như thế thì Trí Huệ Bát Nhã không thể nghĩ bàn được, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của phàm trí, không thể dùng tâm lượng của chúng sanh mà so lường được cho nên Thầy mới nói:” Nó là vô tâm, hay vô niệm nghĩa là không thể ý niệm”.

Còn về chỗ Thầy dạy:” Trí huệ Bát Nhã là một thứ hiểu mà không hiểu, biết mà không biết”. Thì theo tôi nghĩ đó là cái đức tánh Vô Ngã hay còn gọi là Đại Ngã của vũ trụ, của chơn tâm.

Một khi đã đạt được Trí Huệ Bát Nhã thì tự nhiên cái bản ngã, giả ngã hay phàm ngã đã diệt rồi. Tứ tướng không còn. Vật, ngã nhưt như thì đâu còn năng, sở đối đãi, đâu còn cái hiểu và vật bị hiểu, cái thấy và vật bị thấy, cái biết và vật hay pháp bị biết.

Do cái tâm sai biệt nên sanh tướng đối đãi có tốt, có xấu, có lành, có dữ, có phải, có trái... chia chẻ ra vô cùng, vô tận. Cái hiểu, cái thấy của Trí Huệ Bát Nhã vượt lên trên cái tâm sai biệt này, tất cả pháp giới đồng nhất thể, đồng một thể tánh nhưt nhưt, không có tướng đồng, tướng dị. Tánh thấy, tánh hiểu, tánh biết đều là một Tánh. Thấy tức là Tánh,

Hiểu tức là Tánh, Biết tức là Tánh, do đó nên không có hiểu, không có biết, không có thấy. Tôi cảm thấy diễn tả ra bằng ngôn ngữ thật khó, chỉ có thể trực nhận mà thôi. Tôi xin mượn một thí dụ sau đây để diễn đạt tư tưởng trên tuy chỉ là gượng ép:

- Trong thời đại của máy tính điện tử nên tôi lấy máy tính điện tử làm thí dụ. Một máy mini computer thôi với khoảng 150000 tế bào điện tử đã có khả năng ghi nhớ và giải những bài toán học búa trong thời gian rất ngắn, lập những đồ án kiến trúc trong 5, 10 phút trong khi hàng chục nhà toán học, kiến trúc sư phải mất hàng năm ba năm mới hoàn thành. Máy làm việc nhanh và chính xác hơn người hàng vạn lần như thế thử hỏi máy có Hiểu, có Biết, có Thấy kết quả của nó làm ra không? Xin thưa hoàn toàn không. Nhưng nó không Hiểu, không Biết, không Thấy sao nó làm được như là có Hiểu, có Biết, có Thấy vậy? Vì rằng nó đã được con người soạn thảo sẵn chương trình cho nó làm việc, cài đặt sẵn trong máy rồi phải không quý vị?

Vậy với trí óc con người có thể tạo ra một bộ óc điện tử tinh vi vượt xa khả năng của con người, như thế thì với Trí Huệ Bát Nhã siêu việt hẳn nhiên là khả năng trên còn vượt xa ngoài tưởng tượng của trí phàm. Chỉ có điều khác biệt là máy do con người điều khiển, còn Trí Huệ Bát Nhã thì tự động hoàn toàn, điều khiển vạn pháp, xuất sanh tất cả các pháp, thường hằng bất biến, không thêm, không bớt. Tất cả chúng sanh tự có đủ. Nơi Phật cũng không thêm, nơi chúng sanh cũng không bớt. Giống như mặt trời, ánh sáng không thêm, không bớt chỉ do

mây che, địa cầu xoay mà mới có sáng, có đêm, có ngày. Do đó mà các chư Tổ mới nói thành Phật cũng vô đắc và Phật thuyết: “Chúng sanh vốn đã thành Phật từ lâu rồi”. Là chỉ cái chơn thể của Trí Huệ Bát Nhã đó vậy. Như thế thì Phạm, Thánh, Tiên, Phật cũng chỉ là huyền tướng, rốt ráo chỉ có một tướng duy nhất gọi là một vị bình đẳng, không có tên gì để gọi tạm, gọi là Tự Giác Thánh Trí hay Tâm Chơn Như hay Điện Linh Quang của Thượng Đế.

Để kết luận, như lời Thầy đã dạy chúng ta không thể nào lấy văn tự hay dùng lý trí mà luận bàn được, nếu dùng sẽ rơi vào hiện tượng giới tức là tâm sai biệt. Chỉ có chúng ngộ mới hiểu đến chỗ thực tướng mà thôi. Cho nên người xưa thường có câu: “Đạo bất khả thuyết, thuyết bất khả Đạo” Có nghĩa là Đạo không thể diễn bày nói năng được, cái gì mà nói năng thì không phải là Đạo.

Không thể nói mà nói tức lời nói là vọng, kính xin các chư vị huynh, tỷ soi sáng dùm cho chỗ còn tối tăm.

Nam Mô A Di Đà Phật
Tháng 10 năm Tân Dậu (1981)

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT

Lời Thầy dạy:

- Muốn kiến tánh thành Phật phải dụng công định huệ. Dụng công định huệ đây là dùng công hạnh lành, là đem trí sáng suốt, biết được chân thiện, ác, dứt bỏ luyến ái dục tình, si mê, vọng tưởng, ta cố đem tình thương tạo lợi ích cho chúng sanh. Định huệ là chỉ ngộ cái tâm mà thôi,....

Theo chỗ hiểu của tôi về lời dạy trên thì muốn kiến tánh thành Phật phải hành theo lục độ của các vị Bồ Tát đó vậy. Bốn chữ Dụng Công Định Huệ chia ra làm hai cặp. Dụng Công và Định Huệ.

Dụng công là hành bốn hạnh đầu của Bồ Tát: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn. Đó là những công hạnh lành cao tốt không gì hơn. Bố thí là xả bỏ, xả bỏ tất cả vọng niệm, luyến ái dục tình, si mê, tham, sân, si, mạn, nghi, xả bỏ tâm giả chấp trước, phân biệt thiện ác, lành, dữ, tốt, xấu, yêu, ghét, khen, chê. Chỉ một công hạnh lành này thôi cũng bao gồm tất cả các hạnh khác. Một khi đã xả bỏ cái tâm giả thì giới không cần giữ mà cũng không còn phạm nữa nên gọi là Trì Giới, không có chỗ để bị xâm phạm nên gọi là hạnh Nhẫn nhục, không chấp tướng luôn nhận biết các tướng là huyễn và hằng xa lìa là tinh tấn.

Định Huệ là hành hai hạnh cuối của Lục Độ tức là Thiền Định và Trí Huệ của Bồ Tát. Định Huệ của Bồ Tát khác với Định Huệ của các bậc khác ở chỗ không phải giữ tâm đứng lặng chết một chỗ ví như ly nước để lắng yên một chỗ.

Định của hàng Bồ Tát là tâm không trụ chấp vào một pháp nào cả, như kinh Kim Cang Phật dạy: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Huệ của hàng Bồ Tát là Trí Huệ Bát Nhã là kết quả của Định là diệu dụng của Kỳ Tâm. Một khi đã tỏ ngộ chỗ tâm ấy tức là thấy tánh Phật sẵn có nơi mình gọi là Kiến Tánh và hằng ngày hành theo tánh đó thì tức cùng Phật đồng một thể nên gọi là thành Phật.

Thấy Tánh chỉ là văn tự chứ không có Tánh nào để thấy cả vì thấy tức là Tánh. Nếu có Tánh nào để thấy là Tánh của ai chứ không phải của mình. Tánh vốn là Ta, còn thấy Ta nào ở ngoài nữa sao? Đó chỉ là để diễn tả cái trạng thái khi ngộ được tâm và thể nhập, tức hòa đồng với Chơn Như Phật Tánh. Chơn Như Phật Tánh này bao trùm tất cả vũ trụ, trong tất cả chúng sanh đều tự có đủ.

Nếu một khi hòa vào đó thì như nước sông hòa vào biển cả thành ra nước biển và nước chỗ nào trên biển cũng một vị như nhau gọi là bình đẳng hay nhất như. Pháp Môn Ngộ Tâm này xưa kia Tổ Đạt Ma truyền sang Trung Hoa gọi là Tâm Ấn của Phật, còn gọi là Đôn Giáo Pháp Môn, không dùng văn tự, chỉ thẳng tâm người để kiến tánh thành Phật. Chỉ cần nhận ra Phật Tánh vốn sẵn có nơi tâm ta, sống với tánh Phật đó, lìa xa phàm tánh thì thành Phật vô

cùng nhanh chóng vậy. Cho nên Đức Thầy dạy: “Người tu hành mà không biết tâm mình là Phật, Tánh mình là Pháp thì dù có tu khổ hạnh cách nào đi nữa cũng không thành Đạo được”. Quả thật là rất rõ ràng vậy, nếu không thấy mình có Phật Tánh sẵn thì chỉ hướng ngoại vọng cầu, hành theo tâm hạnh của chúng sanh như cỡi trâu mà đi tìm trâu chỉ nhọc nhằn mà không có lợi gì cả.

Thử hỏi tánh Phật sẵn có nơi ta là tánh gì? Đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả là “thấy chúng sanh lắm khổ, lắm mê có lòng cứu độ, chia sẻ cái vui của mình cho chúng sanh, vui mừng khi thấy chúng sanh được an vui, may mắn và tha thứ mọi lỗi lầm của chúng sanh” mà Thầy dạy đó vậy; là Tánh KHÔNG: Ngã, Nhơn, Chúng Sanh, Thọ Giả. Không còn chấp có, chấp không, phân biệt, thiện ác, chánh tà, Thánh, Phàm,... là lìa hết các tướng, là thấy được bốn cái chơn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tức là bốn đức của Niết Bàn là Phật.

Tóm lại, muốn kiến tánh thành Phật là phải tu Thiền để ngộ được cái Phật tâm của chính mình mà xa rời tất cả các vọng tưởng, chấp trước của tâm, ý và ý thức. Lìa bỏ hết thấy các tướng hư dối. “Người nào ngộ được cái Tâm ấy, hằng lấy Tâm làm Đạo, Tánh làm pháp, chỉ thẳng nơi Tánh, thấy tự nơi Tâm tức thành Phật Đạo” Chính là ý của Thầy đã giảng dạy cho chúng ta đó vậy.

Nam Mô A Di Đà Phật
Tháng 10 năm Tân Dậu (1981)

TA CÓ KHẢ NĂNG THÀNH PHẬT KHÔNG?

Một vị pháp hữu nêu một câu thắc mắc như sau:

- Đọc tiểu sử Đức Phật Thích Ca, thấy Ngài xưa kia tu hành khổ hạnh vô cùng mới đắc quả vị, còn tôi thấy chúng ta tu tại gia tà tà như hiện nay thì làm sao mà đắc quả được? Nên tôi không tin tôi có thể thành Phật được. Hơn nữa sánh với các vị Sư, Ni xuất gia tu hành công quả rất nhiều, mình còn kém xa làm sao dám mơ ước quả vị Phật được?

Tôi xin ghi lại đây là lời đáp lại của tôi cho vị pháp hữu đó. Đúng, sai kính trình Thầy và quý huynh tử chỉ dạy cho.

Người thức giác tu hành chớ nên nuôi dưỡng tâm tự cao ngã mạn mà cũng không nên nuôi dưỡng tâm tự ti mặc cảm, hạ liệt, vì nó là trở lực lớn trên bước đường tu học.

Thông thường, ta hay có cái tự ti mặc cảm và phóng đại ông Phật bên ngoài ra to lớn đến choáng ngợp, đến kinh sợ còn ông Phật bên trong của mình thì không thấy nên thu nhỏ lại cho đến mất cả dạng hình, tối mò.

Thử hỏi vậy chớ Phật là gì?
Chúng ta hiểu ra sao về danh vị Phật?

Lời Phật dạy trong kinh điển và lời chỉ dạy của các vị Tổ truyền lại đến nay: “Phật là Giác chứ không gì khác. Phật với chúng sanh không hai, không khác. Mê là chúng sanh, Giác là Phật. Phật một niệm chẳng giác là phàm phu, phàm phu một niệm giác là Phật. Phật và phàm phu chỉ giác hay không giác mà thôi”. hoặc:”Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật đầy đủ, chỉ tại vì mê nên không tự biết đó thôi”.

Vì không tự biết mình có Tánh Phật nên mới nhọc công Đức Thích Ca phải giảng trần chỉ dạy. Mục đích của Đức Ngài suốt thời gian ở tại thế cũng không ngoài mấy chữ Khai, Thị, Ngộ, Nhập, Phật Tri Kiến cho chúng sanh.

Nghĩa là khai mở tánh Phật của chúng sanh tự có sẵn. Làm cho chúng sanh thấy Tánh Phật của mình, làm cho chúng sanh hiểu được Tánh Phật sẵn có của mình và làm cho chúng sanh hòa nhập với tri tánh Phật sẵn có của mình.

Bởi vì chúng sanh vốn tự có sẵn tánh Phật nên Đức Phật Thích Ca mới chỉ cho cách khai mở, cho thấy, cho biết, cho hòa nhập vào tánh Phật đó. Nếu chúng sanh không có tánh Phật thì Đức Bổn Sư sao lại chỉ cho khai mở làm gì? Chẳng lẽ Đức Ngài chỉ cho Đức Ngài khai mở ư? Nếu chúng sanh không có Phật Tánh mà chỉ có Phật mới có Phật tánh thì suốt 49 năm hoằng pháp của Đức Ngài chẳng hóa ra là vô ích sao?

Cho nên một khi chúng ta đã tin tưởng Đức Phật Thích Ca là bậc Đại Giác, thì chúng ta cũng nên tin chắc lời dạy của Đức Ngài là chơn thật, không hư dối. Chúng ta đừng tự ti mặc cảm mà phải nên phát khởi lòng tin sâu, tin chắc thật là chúng ta vốn tự có tánh Phật như chư Phật, đồng một thể tánh không hai, không khác và nhứt định chúng ta cũng sẽ đạt được Tự Giác Thánh Trí sẵn có của chúng ta không sớm thì muộn.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa gọi tắt là Pháp Hoa có thí dụ người cùng tử chính là con ruột của vị trưởng giả giàu có nhứt xứ, bỏ cha đi lạc từ nhỏ khi gặp lại không dám nhận vì thấy cha quá sang giàu, hoảng sợ bỏ chạy. Người cha phải lập kế dẫn dụ mướn làm người hốt phân cho mình để gần gũi chỉ dẫn cho suốt mấy mươi năm, rốt sau mới bỏ được cái tâm hạ liệt, mới biết mình vốn thiệt là con của trưởng giả, xứng đáng thọ nhận của thừa kế, thật vốn không phải hạng bần cùng.

Chuyện đó không khác gì chúng ta ngày nay tự nhận mình là chúng sanh nhỏ bé không dám tự nhận vốn là Phật Tử, là con của Phật, xứng đáng thọ nhận Pháp Bảo của Phật truyền lại.

Một chuyện nữa cũng trong kinh Pháp Hoa, có một kẻ đi ăn mày mà trong khi trong bầu áo có sẵn viên ngọc quý đã được người bạn ban cho mà không hay biết. Đến khi gặp lại bạn chỉ cho mới biết mình vốn có sẵn ngọc báu. Đáng lẽ hưởng giàu sang phú quý lâu rồi, chỉ vì không biết mình vốn có ngọc báu nên chịu khổ sở ăn mày bấy lâu nay. Nếu không gặp

thiện hữu nhắc nhở chỉ cho thì vẫn còn làm thân ăn
mày nữa vậy.

Chẳng khác nào chúng ta hôm nay vốn có viên
ngọc quý vô giá kia mà không tự biết, thay vì làm
phật tử lại chịu làm chúng sanh khổ sở bấy nhiêu
kiếp rồi. Nay nhờ Đức Phật chỉ cho, nếu chúng ta
thức tỉnh thì lập tức chúng ta trở thành kẻ giàu sang
ngay, tức là phật tử ngay, chớ nào phải là sự khó
khăn ngoài sức chúng ta với đến đâu.

Còn vấn đề công phu khổ hạnh của Đức Phật
chúng ta không sánh nổi là lẽ dĩ nhiên thôi. Nhưng
điều đó không có nghĩa là chúng ta bắt buộc phải
làm y như Đức Ngài thọ xưa mới đắc quả vị. Nếu
hiều như thế e làm cho thói chuyên không phát
được Tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Người đi tiên phong khai phá mở đường xuyên
qua rừng rậm hãn nhiên phải chịu nhiều vất vả,
công phu, vượt qua nhiều trở ngại, thử thách, thú
dữ, gai góc, bệnh hoạn, đói khát... Cũng như Đức
Phật khai phá rừng Vô Minh kia vậy. Sau khi đường
đã mở xong, gai góc đã được dọn sạch sẽ, lối đi
thoáng đảng, thử hỏi người đi sau có dễ dàng, tiện
lợi, nhanh chóng không? Có phải chịu khổ nhọc
như người đi trước không mở đường kia không?
Chắc chắn là không. Những kẻ đi sau gót chân của
Phật, thông dong tự tại, vượt qua rừng rậm không
tốn phí công sức chi cả, chỉ có chịu đi hay không đi
mà thôi. Nếu bắt buộc làm những động tác chặt
cây, dọn cỏ trên con đường đã được dọn sạch sẽ,
liệu có ích gì không?

Chỉ cần nhận ra mình chính là người con của vị trưởng giả thì lập tức trở thành trưởng giả tử, nào có khó khăn gì?

Nhìn vào cuộc sống hiện tại, chúng ta cũng có thể nhận ra chân lý này.

Điện mà chúng ta sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày tiện lợi biết là bao nhiêu? Chỉ cần bật công tắc là có. Nhưng cả trăm năm trước đây những người phát minh ra nó phải chịu cực khổ ngàn nào, tốn biết bao nhiêu công phu, nghiên cứu, tìm tòi, thí nghiệm, bỏ biết bao nhiêu tiền của. Ngày nay đâu có ai đòi hỏi chúng ta phải làm như họ mới có điện dùng. Điện lúc nào cũng có sẵn rồi, chỉ cần với tay bật công tắc là ánh sáng phát ra thôi. Dễ dàng tiện lợi mà chúng ta không chịu dùng đi tìm sự khó khăn vô bổ khác nào kẻ mất trí.

Người đi trước làm ra là để kẻ đi sau thọ hưởng nếu không chịu thọ hưởng có khác nào phụ công ơn người xưa.

Tóm lại, chúng ta có nhiều khả năng thành Phật hơn xưa thời Đức Phật tu, là nhờ có Đức Phật khai mở sẵn đường rồi. Nhanh hơn cũng là lẽ thường thôi. Bởi thế chúng ta đừng có lấy làm lạ sao xưa tu phải học nhiều kinh, luật, luận đủ thứ mà nay chúng ta chỉ có một câu: “Tu là sửa, công phu là phương tiện, trau dồi đức hạnh là căn cơ”. Chỉ một câu cũng bao gồm tất cả các pháp cho nên có tên là Vô Vi Quy Nguyên.

Chúng ta hãy nhận chân Phật tánh sẵn có của mình và chỉ cần hành theo bao nhiêu đó thôi, cho Phật tánh hiển lộ ra thì chúng ta nhập vào Phật Tri Kiến. Nào có phải là chuyện gì khó khăn lắm đâu.

Tôi tin chắc như thế và xin các huynh tỷ cũng nên tin chắc như thế. Đừng mong cầu, vọng động, Pháp này, Pháp nọ làm gì cho tốn công vô ích thôi. Giống kẻ vô trí, đường sẵn chẳng chịu đi, toan phá rừng tự tìm lối đi vậy.

Thầy đã chỉ dạy: “Tu Thiên là lìa bỏ Tâm, Ý và Ý Thức, lìa bỏ mọi sự suy cầu, vọng tưởng các cảnh giới, là lìa bỏ nhứt thiết mọi tướng. Chỉ ngộ cái Tâm Như Lai của mình sẵn có. Người nào ngộ được cái Tâm ấy thì chỉ một niệm là lên ngay cõi Phật...”.

Tưởng một câu đó cũng đã quá rõ ràng, quá đủ để làm kim chỉ nam tu học của chúng ta và cũng đủ kết thúc lời diễn giải dông dài của tôi.

Còn về vấn đề so sánh với các vị Tăng, Ni thì tôi nghĩ rằng chúng ta đừng để mắc vào sắc tướng bên ngoài. Không phải cứ vào chùa, cạo đầu, mặc áo vuông mới gọi là Tu. Phải hiểu rằng TU là SỬA. Sửa cái gì? Sửa cái Tâm, mà tâm thì vô ảnh, vô hình, sự tu sửa cũng phải vậy, vô vi, tức là hằng giờ phút khắc năng quán xét cái Tâm để dẹp bỏ vọng niệm, sửa cho Hạnh được vuông tròn, đầy đủ, chớ cái đầu tròn, cái áo vuông có ăn nhập gì với cái Tâm của chúng ta đâu.

Bằng chứng cụ thể trong Pháp Đản Đàn Kinh, Lục Tổ có dạy: “Nếu muốn tu, ở nhà tu cũng được không cứ gì phải vô chùa tu. Ở nhà mà tu thì không khác gì kẻ xuất gia, vô chùa mà không tu chẳng khác gì kẻ tại gia...”

Riêng chúng ta trong Vô Vi Quy Nguyên Pháp hành theo lời Thầy dạy: “Lấy Động để tìm Tĩnh, nên chúng ta tu ngay tại gia. Tại gia, nhập thể là Động, từ trong Động ta tìm sự thanh tịnh mới là Chơn Tĩnh. Lìa Động mà tìm Tĩnh thì không thể có. Vì Động và Tĩnh vốn là một thể như sóng và nước. Bỏ sóng mà tìm nước làm sao được vì sóng chính là thể động của nước. Chỉ cần ngưng gió là sóng hoàn về nước.

Tâm ta cũng như thế, chỉ cần ngưng tám gió: Lợi, Hại, Vinh, Nhục, Khen, chê, Khổ, Vui thì sóng tâm thức sẽ lắng, tự nhiên đáy nước minh châu hiển hiện tức là Diễm Linh Quang sẽ sáng tỏ vậy. Đó là công đức lớn không gì hơn chớ không phải thí tài mà gọi là công đức. Hằng ngày ta chuyên cần tạo công đức cho chính ta một cách âm thầm mà chúng ta không tự biết cứ tưởng sự công quả ở chỗ sắc tướng âm thanh, phải làm việc ở chùa mới gọi là công quả.

Trong Kinh Kim Cang Đức Phật truyền dạy rõ ràng: “Người nào thọ trì Tứ Cú Kệ thì được phước đức vô lượng. So với phước đức đã cúng dường hằng sa chư Phật của Đức Ngài thuở xưa thì phước đức cúng dường đó vẫn còn kém xa không thể thí dụ so sánh được. Mà Tứ Cú Kệ do Bồ Tát Thiên

Thân thỉnh ý Đức Di Lạc ở Đâu Suất Cung, Ngài dạy đó là Ngã, Nhơn, Chúng Sanh và Thọ Giả.

Chúng ta hằng ngày trau dồi tu sửa tâm hạnh, dẹp cho hết bốn tướng Ngã, Nhơn, Chúng Sanh và Thọ Giả tức là hành theo Quán Tâm Thức của Đức Ngài chỉ dạy thì lo gì công quả chúng ta chẳng đặng vuông tròn.

Hễ chuyên trì dụng công quan sát tâm cho đạt đến chỗ linh diệu thì sẽ đạt đến thanh tịnh Niết Bàn quả. Đó cũng là chỗ hiểu của tôi về câu kệ cuối cùng của Đức Ngài đã dạy:

“Quán dụng tâm linh, ngộ lý thanh”

Nam Mô A Di Đà Phật

Năm Tân Dậu - 1981

ĐEM LINH QUANG

SOI Đ

Ngày mùng 6 tháng 5 năm Bính Dần (nhằm ngày 12 tháng 6 năm 1986). Từ Tri Nguyên trình Đức Thầy cái hiểu của mình về câu:

“Đem Linh Quang
Soi Đon Điền,
Thông Lục Hạp,
Bể Nhĩ Căn,
Chơn Tánh Xuất”.

Đó là câu kệ Thầy bảo các đệ tử học thuộc lòng từ năm 1979 lúc giảng ở Gò Dầu. Không biết bao nhiêu lần đã đọc đến câu kệ này, đã thuộc nằm lòng mà không để ý tìm hiểu. Hôm nay tự nhiên chợt hiểu ra nó là chìa khóa của sự tu học đúng như Đức Thầy đã dạy cách đây 7 năm.

Cái hiểu của Từ Tri Nguyên như sau:

“Đem Linh Quang Soi Đon Điền”: Tức là đem ánh sáng thanh tịnh màu nhiệm của Phật Pháp soi rọi nơi mảnh tâm điền của mình, cái tâm duy nhất tức là Đon, cũng là cái Tâm đỏ như son quý báu của mình. Đó là Đon Điền. Cái tâm này bị bức màn vô minh che khuất từ vô thủy đến nay nên phải dùng đến ánh sáng linh giác của chư Phật soi rọi cho bóng tối vô minh tan biến đi. Như vậy Đon Điền

không có nghĩa là cái huyết ở dưới rốn 3cm như đã hiểu từ trước tới giờ.

“Thông Lục Hạp”: Hiểu rõ 6 Căn hòa hợp với 6 Trần mà sanh ra 6 Thức. Sáu Thức này phù hạp với căn tánh của chúng sanh và giả xưng là Ta. Rồi xúi dục chúng sanh mê lầm đọa lạc vào vòng luân hồi sanh tử. Khi đã thông rõ 6 thức này rồi thì không còn bị mê lầm nữa chớ nào phải là 6 cái luân xa gì gì như đã hiểu lầm từ trước tới giờ đâu. Chính 6 Thức là 6 cái Luân Xa đó vì nó cũng quay cuồng như bánh xe đưa chúng sanh dạo chơi biển sanh tử.

“Bế Nhĩ Căn”: Khi đã thông tỏ 6 thức là giả nguy thì tâm phải luôn luôn tỉnh thức quán sát, không còn nghe theo sự xúi giục của “Bát Thức Vô Minh” nữa nên gọi là “Bế Nhĩ Căn”. Đó là cái Tánh hay nghe của Tâm làm theo sự bày biểu của Thức chớ không phải nhĩ căn là lỗ tai trong ngũ quan con người.

“Chơn Tánh Xuất”: Khi đã làm được các điểm kể trên thì tự nhiên cái chơn tánh thanh tịnh của ta xuất hiện rõ ràng. Đó là cái Tâm Tánh Chơn Thiệt, Bất Sanh, Bất Diệt mà tất cả chúng sanh đều sẵn có. Chỉ vì mê lầm nhận cái Thức giả làm Tâm mà đời đời không thấy được cái Chơn Tâm này là Điện Linh Quang của Thượng Đế. Khi đã thấy được cái Chơn Tánh rồi thì không còn mê lầm nữa tức là đắc quả vậy.

Sau khi nghe Tri Nguyên bạch xong, Đức Thầy dạy rằng: “ Những lý giải nói trên là đã hiểu đúng nhưng chỉ mới được có 50% thôi vì chỉ mới thấy

được cái cục bộ trong khi câu trên đó nghĩa lý bao trùm cả vũ trụ”. Thầy cho biết Đơn Điền không phải là cái huyết dưới rún vì nó là da thì Linh Quang soi cái gì được.

Đơn Điền chính là trung tâm của vũ trụ. Đem đại vũ trụ ứng dụng vào tiểu vũ trụ là con người. Chú đã ngộ được cái lý đó là được điểm son nhưng hiểu lý không chưa đủ. Chú phải tìm cách ứng dụng cái lý đó vào thực hành như thế nào để đạt đến kết quả. Lúc ứng dụng thì phải trình riêng cho Sư Huynh rõ để được chỉ dẫn, nếu không chú hành sai sẽ rơi xuống hố. Chú hiểu được như thế là đã có được vài tia sáng của chơn trí nhưng nó còn lẫn lộn với phàm trí cần phải thanh lọc loại bỏ cái phàm trí ra thì chơn trí mới hiển bày thực sự. Khi tâm chú hành theo lý đó thì tướng diện của chú cũng lần lần thay đổi theo.

Đến đây Đức Thầy đọc pháp lệnh bằng tiếng Phạm Thiên và bảo cho Tri Nguyên biết trước là ít hôm nữa sẽ có một vị mà Thầy không tiết lộ danh vị ra sẽ đến chỉ dẫn và mở thêm cho Tri Nguyên nhiều điều nữa.

Từ Tri Năng bạch với Thầy theo Tri Năng hiểu thì câu trên là chỉ phép luyện hơi thở giống bên Đạo Tiên là luyện Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư là đắc quả. Chơn Tánh Xuất ra loại bỏ phàm thai.

Đức Thầy dạy: Câu trên muốn hiểu theo lý nào cũng đúng cả. Tùy theo căn cơ của từng người.

Người căn Phật hiểu theo lý Phật, người căn Tiên hiểu theo lý Tiên. Tất cả Tiên, Phật cũng cùng chung một điểm duy nhất mà thôi. Người không biết rõ mới chia ra tu Phật, tu Tiên. Chung qui cũng cùng đi đến một điểm duy nhất mà thôi.

Những lời dạy của Sư Huynh là điển pháp ở trên, nó bao gồm cả hai cái lý trên. Nó ẩn tàng nhiều điều cơ mật vì diệu trong đó mà Sư Huynh không thể tỏ lộ ra hết cho các chú biết. Vì làm thế là lộ thiên cơ, hơn nữa nói trắng ra hết thì các chú còn đâu mà suy nghĩ nữa. Như vậy các chú sẽ không có ai đạt đến quả vị được. Cho nên Sư Huynh nhắc đi nhắc lại nhiều lần là các chú phải thường đọc lại các bài giảng của Sư Huynh và suy gẫm để tỏ ngộ chơn lý vì trong đó có cái chìa khóa quý báu của tòa nhà Đạo Pháp ẩn tàng mà Sư Huynh đã giao cho các chú từ lâu rồi, chưa có chú nào chịu tìm tòi ra nó để mà xử dụng.

Các chú đừng đọc bài giảng của Sư Huynh như kẻ đọc cho thuộc để đem thuyết lý cho người khác nghe. Khi các chú tỏ ngộ được điều gì thì trình riêng cho Sư Huynh rồi Sư Huynh sẽ tùy theo đó mà chỉ dạy thêm nữa hoặc sửa lại cho đúng đường vì có nhiều khi các chú hiểu sai đi quẹo sang ngõ khác mà không hay. Chỉ có Sư Huynh và vị đó biết thôi, không thể nói ra cho nhiều người cùng nghe có hại chớ không có lợi.

Các chú theo Sư Huynh lâu như chú Tri Nguyên đây trên 20 năm nay có thấy Sư Huynh đọc kinh sách gì không? Hoàn toàn không phải không?

Nhưng các bài giảng của Sư Huynh thì gồm đủ các giáo lý trong kinh pháp của Phật trong đó. Kinh nào cũng trong đó cả, nó rất quý báu chứ không phải tầm thường đâu. Nội câu “Đem Linh Quang, Soi Đon Điền, Thông Lục Hạp, Bể Nhĩ Căn, Chơn Tánh Xuất” các chú thử tìm khắp các kinh sách coi có ở đâu viết như thế không?

Các chơn ngôn bằng tiếng Phạm Thiên mà Sư Huynh ban cho các chú cũng không có người thứ hai nào đem truyền dạy cho các chú như Sư Huynh đâu. Nó là lệnh pháp của Đức Vua Cha, oai lực vô cùng các chú phải tường từ niệm. Sư Huynh cho các chú biết trước là tất cả thần thông của các chú sẽ có sau này đều xuất phát từ các chơn ngôn đó. Các chú không thể nào học thuộc được nhưng cứ đọc cho nó quen chừng nào các chú được đốt xác thì chừng đó các chú tự nhiên thông thuộc.

Các Pháp Bảo mà các chú được ban cũng quý báu vô song tại các chú chưa hiểu rõ đó thôi. Một mai mà các chú thấu rõ rồi thì các chú sẽ kinh ngạc đến không thể ngờ là mình đã được như thế. Sư Huynh cho các chú biết những Pháp Bảo như Hồng Ân, Liên Hoa Đài, Liên Hoa Đài Chủ, Thiên Y Báu là quả vị đó. Sau này Sư Huynh sẽ cho các chú biết rõ cương vị của từng người để các chú hành cho đúng theo cương vị của mình.

Những lời dạy của Sư Huynh về xuất gia cũng vậy, chưa từng có người chỉ dạy các chú như thế. Sư Huynh sẽ chỉ rõ cách thức tu hành của giới tại gia và xuất gia để tất cả mọi người tu theo, giới nào

cũng đều đắc quả hết chứ không phải riêng có giới xuất gia mới đắc quả. Có vợ chồng tu theo cách của người vợ chồng cũng đắc quả. Các cõi Thiên, có cõi cũng có vợ chồng, cũng tu đắc quả vị. Ba ngàn thế giới một tay nắm, các chú có nhớ câu này không? Đâu phải chỉ có một cõi này mà tới ba ngàn cõi. Các cõi đều có cách tu hành thích hợp và đều đắc quả.

Tháng 5 năm Bính Dần - 1986

LUẬN THÁNH DANH

Được Ôn Trên ban cho thánh danh là Từ Tri Nguyên, con xin trình bày cái hiểu của con về thánh danh của con như sau:

TỪ:

Về Đòi: Từ có nghĩa là hiền lành như từ mẫu, từ phụ. Từ cũng có nghĩa là lia bỏ như đưa con ngỗ nghịch bị cha mẹ từ. Gộp hai nghĩa trên lại có nghĩa là ở đời phải tu sửa tâm tánh cho hiền lành, thương yêu tất cả mọi người, lúc nào cũng lấy lòng từ bi đối đãi với người. Đồng thời phải biết từ bỏ các dục vọng, tham, sân, si và danh, lợi, tình. Tóm lại là lia bỏ phàm tánh.

Về Đạo: Từ là họ của Đức Từ Tôn, tức Đức Di Lạc Tôn Vương Phật, tiếng Phạn là Maitreya, người Tàu dịch là Từ Thị. Ngài biểu tượng của lòng Từ Bi Vô Lượng, lúc nào cũng hoan hỷ đem sự an vui cho tất cả chúng sanh. Mang họ của Đức Ngài có nghĩa là đệ tử đã được Đức Ngài thọ ký. Con thì phải giống Cha, trò phải giống Thầy. Con phải luôn luôn nuôi dưỡng, mở rộng tâm từ bi, nghĩ đến chúng sanh hằng lo cứu độ. Lúc nào cũng nở nụ cười an lạc như Đức Ngài trong cuộc thế để noi gương cho người lập hạnh. Là thừa sai của Đức Ngài, hoằng độ, cứu độ, dẫn độ nhân sanh trở về đường chánh

giác với pháp Vô Vi Quy Nguyên Đức Ngài đã trao truyền.

TRI:

Cũng có hai ý nghĩa về Đồi và Đạo.

Về Đồi: Tri là biết, là kiến thức học hỏi được ở đời. Tri không có nghĩa là đã biết mà phải học hỏi cho biết, cho thông mọi lẽ của cuộc sống ở đời. Phải biết nắm giữ và hành theo Bát Chánh ở đời là Hiếu, Trung, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỷ, Tín, Đức. Nhờ đó Đồi mới tròn và Đạo mới hiện.

Về Đạo: Tri là cái biết không qua sách vở, kiến thức hay phạm trí mà là cái biết trực tiếp gọi là Tự Giác Thánh Trí do tự tâm thanh tịnh phát sinh, còn gọi là Trí Tuệ. Ở nơi Đức Phật gọi là Chánh Biến Tri là một trong 10 hiệu của Phật. Cái biết này giúp ta thấu tột lý của vũ trụ, thấu rõ nguồn gốc của vạn vật, sự vận hành của Luật Nhân Quả, Luân Hồi Sanh Tử và con đường giải thoát. Hàm ý con phải năng trau dồi bốn tâm cho được thanh tịnh để cái Tự Giác Thánh Trí biểu lộ hầu dẫn dắt nhân sanh thoát khỏi bến mê trở về bờ giác.

NGUYÊN:

Về Đồi: Chỉ nơi nguồn gốc, nơi bắt đầu của một việc như nguyên thủy, nguyên đán, nguyên thủ. Có nghĩa là con phải biết nguồn gốc tạo nên hình hài này của con để biết công ơn dưỡng dục sanh thành của cha mẹ, ông bà, tổ tiên và nhân quần xã hội để tìm mọi phương cách đáp đền ơn sâu đó cho tròn đạo Hiếu.

Về Đạo: Nguyên là cái lý của vũ trụ, là nguồn gốc tạo sanh ra vũ trụ, càn khôn, vạn vật, muôn loài. Tất cả vạn pháp từ đó mà sanh ra và rốt cùng đều trở về đó. Còn gọi là Điểm Chơn Nguyên duy nhứt hay Nhứt Như, Như Lai Tạng, Hư Không Tạng, Ngọc Hoàng Thượng Đế, A Di Đà Phật.

Có nghĩa là con phải thông suốt cái lý của vũ trụ phải rõ cội nguồn của con từ đâu mà tới. Trước khi có thân xác cha mẹ sanh thì con ở đâu và khi bỏ thân xác con về đâu? Khi con giải đáp được câu hỏi này thì con mới biết Bản Lai Diện Mục của con mà Phán Bồn Hoàn Nguyên, trở về cội nguồn của mình vậy.

Vũ trụ bao la vô cùng tận, cái nguyên số của trời, đất không thể dùng trí phàm mà lường được. Chỉ có khi nào đạt được cái Trí Huệ Bát Nhã mới thấu suốt sự, lý mà thôi. Do đó con nghĩ bây giờ không cần tìm hiểu cái Nguyên đó làm chi cho mệt óc. Có nghĩ cũng không ra, chỉ bằng chuyên cần công phu, tu tập, thiền định theo Pháp của Thầy đã truyền cho để đạt được Tâm Thanh Tịnh đã. Chỉ cần biết chắc chắn một điều là có một Đấng Tối Cao gồm thấu tất cả các cõi, cai quản cả vũ trụ, càn khôn; vốn không có tên gọi mà được chúng sanh xưng tụng là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức A Di Đà Phật, là Chơn Như, là Phật Tánh. Tất cả vạn pháp đều từ đó mà khởi sanh để rồi rốt ráo cũng qui tụ trở về đó. Đạo học gọi là “Nhứt Bồn Tán Vạn Thù, Vạn Thù Qui Nhứt Bồn”. Cũng đồng một ý với lời Phật dạy: “Tất cả chúng sanh rốt ráo đều sẽ thành Phật”. “Như Lai là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ

thành” hay “Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh” chỉ rõ là tất cả đều cùng một nguồn gốc duy nhứt còn gọi là Diễm Linh Quang của Thượng Đế. Hay “Phật và chúng sanh vốn đồng một thể, vốn bình đẳng”. Đồng thể và bình đẳng ở phần lý tánh, phần cội nguồn, phần chơn nguyên nhưng vẫn không Đồng ở chỗ đã giác và chưa giác, đã trở về cội nguồn và còn trôi lăn trên biển sanh tử. Cho nên có câu: “Không phải một, không phải hai, không phải khác, không phải không khác”.

Trên đây là con luận về ý nghĩa từng chữ của Thánh Danh được Đức Vua Cha, Cộng Đồng Chư Phật và Đức Từ Tôn chứng ban cho con. Còn ý nghĩa tổng quát của Thánh Danh nó hàm ẩn huyền cơ diệu lý về quá trình tu học ở tiền kiếp cũng như hướng dẫn cho sự tu học ở hiện kiếp cho người được ban, chứ không phải đặt ra cho có tên gọi. Đó là chỗ khác với pháp danh ở chùa (Đức Thầy đã dạy). Tiền kiếp thì con chưa thấu đạt, còn hiện kiếp căn cứ vài ba chữ Từ Tri Nguyên con nghĩ con là đệ tử của Đức Từ Tôn hiểu được cội nguồn chánh pháp để theo đó mà tu học và hướng dẫn nhân sanh trở về nguồn cội, qui tụ về với Đấng Cha Lành. Điều này thể hiện một phần ở chỗ con đã gặp Thầy, nhận chân được con đường Thầy đang dẫn dắt các đệ tử là con đường Chánh Đạo mà các Chư Phật, Tổ đã đi qua còn lưu dấu xưa đến ngày nay.

Đó là cái hiểu của con về Thánh Danh và con nguyện thực hành theo cái hiểu đó cho đến khi viên mãn. Kính trình Đức Tôn Sư Chứng Minh.

Nam Mô A Di Đà Phật
Tháng 4 năm Quý Hợi - 1983

ĐỐI THOẠI VỚI... ...CHÍNH MÌNH

- Ôi! Sao tôi mang nỗi khổ đau dày xé tâm tư thế này?

Tiếng nói tâm linh tôi đáp lại rằng:

- Này đạo hữu, bạn lầm lẫn rồi, cái tâm mà bạn cho là bạn đang đau khổ đó chỉ là cái giả tâm, vô thường biến diệt. Vì sao? Vì tâm quá khứ đã diệt, tâm hiện tại không dừng trụ, còn tâm vị lai thì chưa đến. Làm sao lấy cái giả, cái vô thường mà nhận là TA như thế hỏi đạo hữu? Xin người hãy mau mau thức tỉnh lại đi.

Tâm của bạn là tâm chơn như, thường hằng, bất biến, rộng lớn vô cùng hòa đồng vũ trụ. Tâm đó có bốn đức tính là: “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”. Tất cả Lục Căn, Lục Trần, Bát Thức của đạo hữu chỉ là một hiện tượng giả hợp do tâm thể hiện ra mà thôi. Đã là giả thì đạo hữu có mất gì đâu mà đau khổ, có được gì mà vui mừng.

Những làn sóng trời lên, hụp xuống là hiện tượng của nước còn cái tánh thể của nước nào có xao động hay biến đổi vì sóng gió đâu. Đó là hình ảnh tâm thể chơn như của đạo hữu.

Hãy giữ lấy cái chơn, đừng làm lạc theo cái giả tướng mà đau khổ. Bạn cứ nghĩ là tâm thể của bạn không biến đổi, tâm thể của chúng sanh cũng thể đồng một tánh. Nó không có tánh nam, nữ, tánh yêu, ghét, tánh sân, nộ, si. Tánh rốt ráo của nó là vắng lặng, tịch tĩnh. Như thế thì cái trần cảnh mà bạn đang vướng mắc có gì đáng để bạn phải ưu tư, đau khổ nữa.

Bạn đừng quên lời Thầy dạy: “Tâm thanh tịnh trước mọi công việc lành dữ”. Thầy đạo hữu khuyên đạo hữu hành các hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả và nhứt là cái Dũng đó. Từ Bi vì thấy chúng sanh lắm khổ, lắm mê mà ra tay cứu vớt, thức tỉnh chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, còn Dũng là hạnh nhẫn nhục, ôn hòa và tinh tấn trong tất cả mọi công việc.

Hãy nghe theo lời Thầy dạy. Quên hết tất cả. Đạo hữu sẽ tìm thấy sự an lạc của nội tâm. Chúc lành đạo hữu.

- Ôi lành thay, lành thay những lời dạy cao siêu mầu nhiệm. Ta cảm ơn người vô cùng, người đã làm cho ta thức tỉnh lại và những lời của người đã giúp cho ta xóa tan những phiền não trong tâm ta vừa móng khởi.

- Ôi ta mừng vô cùng vì rốt cuộc ta đã tìm được CHÍNH TA.

Nam Mô A Di Đà Phật

16 tháng 6 năm Quý Hợi
(25 tháng 7 năm 1983)



Đệ tử kính trình lên Đức Tôn Sư cái hiệu của đệ tử về bộ thiên phục màu xanh da trời của Đức Tôn Sư như sau:

Ngoài bộ Thiên Phục màu vàng tử kim để mặc khi hành Đại Lễ, Đức Tôn Sư còn có bộ Thiên Phục màu thiên thanh để mặc khi hành Tiểu Lễ. Có thể nói Thiên Phục màu vàng là Đại Phục của Thầy, còn Thiên Phục màu xanh là Tiểu Phục của Thầy.

Đại phục để chào lễ Đức Chí Tôn, đức Mẫu Mẹ Sáng Tạo, khi lâm triều. Còn tiểu phục để điều hành Pháp Đạo trong quyền lệnh của Đức Ngài.

Màu Thiên Thanh là tượng trưng cho vũ trụ, càn khôn, viên vàng bao quanh tượng trưng cho Pháp Đạo. Có ý nghĩa là gom tất cả các cõi về chung một Pháp theo danh đã được chứng ban là:
“VÔ VI QUY NGUYÊN PHÁP”

Y Báu trái rộng ra có hình thể một chiếc thuyền (hay hình cái lá) nói lên ý nghĩa tượng trưng cho

thuyền Bát Nhã tận độ quần sanh trở về nguồn cội là Đấng Cha Lành.

Tiểu phục thường sử dụng khi Đức Ngài chứng lễ, thị hiện hoặc hành Pháp Đạo và khi cần phân biệt rạch ròi giữa Đạo và Đời vì Đức Ngài hiện tại còn ẩn dạng dưới hình thức một người của thế tục.

Chẳng hạn khi làm lễ xuống tóc cho một đệ tử, Đức Tôn Sư phải mặc tiểu phục vì xuống tóc là lễ trọng của Pháp Đạo. Tóc là tượng trưng gốc con người mà gốc con người là Thượng Đế. Do đó Đức Tôn Sư không thể mặc thường phục mà làm lễ xuống tóc được.

Hoặc lễ phong y cho các đệ tử. Đức Tôn Sư cũng phải mặc tiểu phục để làm lễ và gần đây nhứt là lễ khởi công xây dựng Bửu Tòa Linh Điện.

Ngoài những ý nghĩa về Pháp Đạo nói trên, bộ tiểu phục của Thầy còn ẩn ý nghĩa về Đời. Đức Tôn Sư muốn tránh sự dòm ngó của người đời vì chưa đến lúc để lộ chân tướng của Thầy.

Y màu vàng giống màu Cà Sa của Phật để bị hiểu lầm là chi phái của Phật Giáo, có liên quan đến vấn đề chính trị. Đệ tử chỉ hiểu được như vậy, kính trình Thầy chỉ dạy cho đệ tử thêm những ý nghĩa thiêng liêng mầu nhiệm của bộ Thiên Phục màu thiên thanh của Thầy.

Nam Mô A Di Đà Phật

BÀI CHÚC THỌ ĐỨC TÔN SƯ NHÂN NGÀY KHÁNH ĐẢN NĂM TÂN MÙI - 1991

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính bạch Đức Pháp Chủ Vô Vi Quy Nguyên

Hôm nay ngày mừng 5 tháng 3 năm Tân Mùi là ngày kỷ niệm Đức Tôn Sư đản sanh cách đây 58 năm.

Chúng con các đệ tử Từ Tôn tề tựu nơi đây kính đánh lễ Đấng Cha Lành, Đấng Mẫu Mẹ sáng tạo, Công Đồng các cõi, các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, các vị Thiên đế, các vị cõi Thượng Thiên và nguyện cầu Ôn Trên ban ân phúc, ân lành cho Đức Tôn Sư chúng con, thân tâm thường lạc, trụ thế lâu dài, tận độ quần sanh tu hành thành quả.

Chúng con thành tâm đánh lễ Đức Tôn Sư, kính mừng Đức Tôn Sư pháp thể vạn an, Đức Từ bủa rộng cho nhơn sanh đều được thọ hưởng pháp vị nhiệm mầu của Vô Vi Quy Nguyên Pháp.

Trong ngày lễ trọng đại này, chúng con không thể dùng ngôn ngữ thế tục để diễn tả hết lòng hiếu kính của chúng con đối với Đức Tôn Sư. Người là vị Thầy cao cả, đầy lòng Từ Bi, đã xả thân không ngại khổ nhọc gian nan, đã đắp từng chặng đường để dẫn

dắt chúng đệ tử tiến lên trên đường Đạo Pháp cho đến ngày hôm nay.

Ân đức của Đức Tôn Sư cao như Thái Sơn, sâu như biển cả.

Một vị Thầy ở thế dạy học trò ít ra cũng được hưởng lương bổng hay học phí của học trò. Còn Đức Tôn Sư đã bỏ ra 40 năm công khó, tiền tài và sức khỏe để dẫn dắt cho chúng con thành Tiên, tác Phật lại chẳng hề đòi hỏi nơi chúng con một điều gì để đền đáp lại ngoài việc phải tinh tấn công phu và trau dồi phẩm hạnh.

Đó thật là một Đại Ân Đức đối với chúng con chẳng khác chi ân sanh thành dưỡng dục mà còn vượt hơn nữa. Quả như lời Đức Tôn Sư thường nói: “Các chú đốt đuốt tìm khắp thế gian cũng không có một Sư Huynh thứ hai”.

Chúng con chẳng biết làm gì hơn là nguyện trọn đời theo Thầy tu học cho đến thành quả để không uổng phí tâm cơ của Đức Tôn Sư và noi gương lành của Đức Tôn Sư hoằng độ, cứu độ, dẫn độ nhân sanh không hề nhàm mỏi.

Tuân theo lời Đức Tôn Sư đã dạy, chúng con cố gắng tu tập Bồ Tát hạnh, sống hòa lẫn với đời để độ đời, nhưng tâm chúng con lúc nào cũng hướng về Đấng Cha Lành, Đấng Mẫu Mẹ Sáng Tạo và Đức Tôn Sư.

Chúng con cố gắng trau dồi phẩm hạnh, tạo nhiều công hạnh lành để xứng danh là đệ tử của Đức Từ Tôn.

Kính bạch Đức Tôn Sư.

Thời Mạt Pháp đang diễn ra, Phật Pháp cao thâm bị biến thành âm, thịnh, sắc, tương như lời Phật dạy. Chúng con được truyền dạy cho Chánh Pháp chọn thực để tự tu sửa bản tâm.

Chúng con luôn ghi nhớ trong tim óc lời nói bộc lộ tình thương bao la của Đức Tôn Sư đối với chúng con: “Nếu phải xẻ thịt Sư Huynh ra cho các chú ăn để các chú được đắc Đạo thì Sư Huynh cho các chú ăn. Làm Thầy không phải để đầu các chú. Sư Huynh lo cho các chú từng chút một mà các chú không hề hay biết. Đêm đêm mọi người tưởng Sư Huynh ngủ nhưng thật ra Sư Huynh phải làm việc trí não rất nhiều, phải tìm phương cách chỉ dẫn cho các chú tu luyện mà không bị nguy hại cho bản thể các chú. Nếu các chú thấy được những gì Sư Huynh đã làm cho các chú chắc chắn các chú sẽ rơi lệ và cảm thương Sư Huynh vô cùng.

“Sư Huynh đã lo sẵn cho các chú tất cả rồi bây giờ chỉ còn chờ các chú thọ hưởng nữa mà thôi. Chẳng khác nào biết các chú đói, Sư Huynh dọn thức ăn lên cho các chú ăn, gấp thức ăn bỏ vào tận miệng các chú.

“Các chú chỉ có việc nhai và nuốt nữa mà thôi. Nhưng nếu các chú không chịu nhai thì Sư Huynh cũng đành bó tay thôi. Pháp Sư Huynh đã trao cho

các chú cũng giống như thức ăn kia vậy chỉ còn chờ các chú hành là đạt quả mà nếu các chú lười biếng không hành thì Sư Huỳnh cũng phải chịu thôi. Sư Huỳnh đâu thể nào hành thay cho các chú được”.

Ồi những lời cao quý của Đức Tôn Sư làm cho gỗ đá cũng phải động lòng, chúng con mà phụ lại tâm lòng của Thầy thì thật còn thua cả loại gỗ đá vô tình kia vậy.

Phải nói là kiếp trước chúng con đã khéo tu tạo phước đức và cũng nhờ phước đức của ông cha trong kiếp này nên mới được gặp Đức Tôn Sư và được Đức Tôn Sư thọ ký và truyền pháp Vô Vi Quy Nguyên cho để tu học.

Cổ đức có câu: “Nhơn thân nan đắc, Phật Pháp nan văn”. Nghĩa là thân người khó được, Phật Pháp khó nghe.

Chúng con đã được thân người lại được Đức Tôn Sư truyền cho pháp báu của Phật thật là hy hữu nếu không noi gương cổ đức tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh thì e rằng sau này sẽ hối tiếc như Đức Tôn Sư đã nói trong bài chúc lành đầu năm Tân Mùi: “Ta chỉ tủi hổ ngày nay không học. Ta chỉ hối tiếc ngày nay không tu”.

Thuở xưa, Đức Thích Ca trong một tiền kiếp vì cầu Pháp Đại Thừa đang làm vua lại xả bỏ hết, tự lấy thân mình phụng sự vị tiên nhơn cả ngàn năm không hề bê trễ mới được học pháp.

Nhìn lại chúng con ngày nay thật đáng xấu hổ và mới thấy hết cái điểm phúc được Đức Tôn Sư truyền cho Pháp Bảo. Chúng con kính lạy Đức Tôn Sư từ bi hỷ xả cho sự mê muội của chúng con đã thiếu sót rất nhiều trong hiếu hạnh của người đệ tử về Tôn Sư, Trọng Đạo.

Chúng con xin thay cho các đệ tử tâm còn ngu muội đã trót lầm lỡ có hành động bội Sư, nghịch Đạo, khẩn cầu Đức Tôn Sư ân xá cho các vị đó thức tâm trở về thiện tâm, thiện tánh, tu hành thành quả.

Nhân ngày Khánh Đản của Đức Tôn Sư, chúng con kính dâng lên Đức Tôn Sư lễ vật kỷ niệm nhỏ này do chúng con đồng tâm hiệp sức tạo nên để tỏ lòng tôn kính của chúng con đối với Thầy. Kính mong Đức Tôn Sư chứng tri và thọ nhận cho.

Chúng con kính thỉnh Đức Tôn Sư vì tình thương tất cả nhân sanh, vì tình thương chúng đệ tử Từ Tôn, vì bốn nguyện lúc lâm phạm mà trụ thế lâu dài để hoằng khai Vô Vi Quy Nguyên Pháp, qui tụ nhân sanh về dưới chân của Đức Cha Lành A Di Đà Phật.

Chúng con nguyện đem hết trí lực, tâm lực của chúng con góp sức với Thầy hoàn thành nhiệm vụ trọng đại này.

Chúng đệ tử đồng kính bái.
Nam Mô A Di Đà Phật.
Từ Tri Nguyên

BÀI CHÚC THỌ ĐỨC TÔN SƯ NHÂN NGÀY KHÁNH ĐẢN NĂM NHÂM THÂN - 1992

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính bạch Đức Tôn Sư,

Hôm nay ngày mừng 5 tháng 3 năm Nhân Thân, ngày kỷ niệm Đức Tôn sư lâm phạm cách đây 59 năm.

Chúng con các đệ tử Từ Tôn hiện diện hôm nay thành kính nguyện cầu Đấng Cha Lành, Đấng Mẫu Mẹ Sáng Tạo, Công Đồng Chư Phật ban ân phúc, ân lành cho Đức Tôn Sư chúng con thân tâm thường lạc, trụ thế lâu dài để hoằng độ, dẫn độ, cứu độ quần sanh tu hành thành quả.

Chúng con kính đánh lễ Đức Tôn Sư kính chúc Đức Tôn Sư pháp thể an khang thân tâm thường lạc và ngày Khánh Đản đầy hoan hỷ.

Hôm nay là ngày vui lớn của chúng con và cũng là ngày vui chung của các cõi vì là ngày kỷ niệm một Đấng Cao Cả tình nguyện lâm phạm dẫn độ quần sanh tu hành thành quả. Trong niềm hoan lạc đó và trong buổi lễ đơn sơ đượm đầy tình nghĩa thầy trò này chúng con kính dâng lên Đức Tôn Sư

lòng hiếu kính và thương yêu triu mến vô cùng của chúng con.

Mặc dầu Đức Tôn Sư đã ban lệnh không cho chúng con tổ chức lễ mừng Khánh Đản của Đức Tôn Sư long trọng như các năm trước, chúng con vẫn không thể nào không biểu lộ lòng tôn kính yêu thương của chúng con với Thầy trong ngày trọng đại này. Kính xin Đức Tôn Sư ân xá cho chúng con.

Công ơn điểm hóa của Đức Tôn Sư đối với chúng con trong suốt bao năm dài khổ nhọc không thể nào nghĩ bàn được. Từ những kẻ vô trí, vô hạnh chúng con ngày nay đều đã thành người có đức tin vững chắc nơi Thiêng Liêng, nơi Đức Cha Lành Cao Cả và đều cố gắng trau dồi phẩm hạnh để trở nên một người đức nhân.

Chúng con không có cách nào đền đáp được ân sâu đó, chỉ nương nơi lễ Khánh Đản này tỏ lòng thành kính và tán thán công đức vô lượng của Đức Tôn Sư. Đức Tôn Sư đang đầy công vun đắp con đường đạo hạnh của chúng đệ tử, truyền dạy cho chúng đệ tử phương cách tu luyện sao cho đạt đến quả vị Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Nhơn và rốt ráo là Phật.

Không một vị Thầy nào khác ở thế gian có thể truyền dạy các phương pháp luyện Đạo tận tường như Đức Tôn Sư đã chỉ dạy. Người xưa muốn học Đạo phải lặn lội đi tìm Minh Sư nơi rừng rậm, núi cao còn phải trải qua bao khó khăn, thử thách của Thầy mới được Thầy chỉ dạy chơn truyền.

Còn chúng con ngày nay có phước lớn được Đức Tôn Sư chỉ dạy ngay tại nơi thành thị. Không phải lặn suối, trèo đèo, lìa bỏ gia đình, không phải phục thị Thầy hằng ngày mà vẫn được truyền dạy cho Bửu Pháp, thử hỏi ân đức đó lớn biết ngần nào, lòng Từ Bi của Thầy rộng lớn vô cùng vậy.

Thầy luôn luôn tha thứ cho các đệ tử phạm lỗi lầm với Thầy, chẳng trách phạt còn sẵn lòng trao chìa khóa tòa nhà Đạo Pháp nữa. Chính e các vị đó còn chưa thức giác được cái chìa khóa Thầy đã trao cho. Chỉ nghĩ rằng Thầy giận mà quở trách các đệ tử vậy thôi. Nào ngờ chính lời quở trách là cái chìa khóa quý báu đó vậy.

Người tu học Tâm và Hạnh phải đi đôi với nhau mới mong thành quả được. Hiền, Thánh, Tiên, Phật, Bồ Tát bậc nào đều có hạnh riêng của bậc đó. Người Hiền phải có hạnh của Hiền Nhơn, ông Thánh có hạnh của Thánh Nhơn, Tiên có hạnh Tiên, Bồ Tát có hạnh của Bồ Tát, Phật có hạnh của Phật. Hạnh đó như là một đặc tính riêng của vạn vật muôn loài. Do vậy mới thành Phật, Thánh, Tiên phải luôn tập các hạnh của các bậc đó cho đến khi hạnh đó trở thành thuộc tính của mình thì mình là vị đó. Đó mới gọi là Hạnh Đạo Chơn Thật, chứ không phải chỉ nghĩ tưởng suông hoặc ngồi một đồng mà mong thành Tiên, Phật. Không có hạnh mà mong cầu quả vị Tiên, Phật có khác nào nấu cát mà muốn thành cơm.

Thầy đã từng dạy:” Thành Tiên, Phật không phải là khó nhưng các đệ tử có thức giác được Tiên, Phật hay là không thôi. Chính là chỉ vào chỗ lập hạnh đó vậy”.

Chúng con vui mừng nhận được lời dạy quý báu này. Đây chính là chìa khóa vào tòa nhà Đạo Pháp.

Chúng con nguyện tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh hơn nữa để đền đáp trong muôn một công ơn điểm hóa của Thầy. Nhon ngày Khánh Đản chúng con kính dâng lên Thầy lễ vật này để tỏ lòng hiếu kính của chúng con. Kính mong Đức Tôn Sư chứng tri và thọ nhận cho.

Chúng đệ tử đồng kính bái
Nam Mô A Di Đà Phật
Từ Tri Nguyên

BÀI CHÚC THỌ ĐỨC TÔN SƯ NHÂN NGÀY KHÁNH ĐẢN NĂM GIÁP TUẤT - 1994

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính bạch Đức Tôn Sư,

Hôm nay ngày mừng 5 tháng 3 năm Giáp Tuất ngày mừng thọ Lục Tuần Đại Khánh của Đức Tôn Sư vừa tròn 61 tuổi, chúng con các đệ tử Từ Tôn hiện diện nơi đây kiên tâm đánh lễ và kính nguyện cầu Đấng Cha Lành, Đấng Mẫu Mẹ Sáng Tạo, Mười Phương Chư Phật, Cộng Đồng các cõi ban ân phúc, ân lành cho Đức Tôn Sư thân tâm thường lạc, trụ thế lâu dài để tận độ quần sanh tu hành thành quả.

Chúng con kính lễ Đức Tôn Sư, kính chúc Đức Tôn Sư sức khỏe dồi dào, tinh thần sung mãn, thân tâm thường lạc. Kính mừng ngày Lục Tuần Đại Khánh của Đức Tôn Sư đầy hoan hỷ.

Thấm thoát mười tám năm trôi qua nhanh chóng. Trong 18 năm trường dưới sự dạy bảo, dẫn dắt của Đức Tôn Sư, các đệ tử ngày nay đã thực sự bước vào cửa Đạo. Được Đức Tôn Sư truyền dạy Bí Pháp khai mở đường Thông Thiên, để kết tạo Thánh Thai

đạt thành quả vị. Pháp Khiêu Đuốt Huệ của Phật, Pháp Chỉ Quán, Tham Thiền, Nhập Định để rốt ráo đạt được cõi Niết Bàn Viên Minh.

Công lao của Đức Tôn Sư chúng đệ tử không thể nào tả siết, ân sâu của Đức Tôn Sư muôn kiếp không thể đáp đền. Thân tâm chúng con chỉ mong sao được góp chút sức mọn cùng Đức Tôn Sư tận độ quần sanh nơi cõi thế trong hiện tại và được tụ hội chung quanh Đài Sen của Đức Tôn Sư nơi cõi Thiêng Liêng hằng sống sau này.

Nhiệm vụ trước mắt vô cùng khó khăn đòi hỏi các đệ tử phải tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh và phải làm sao tự tạo cho mình thành một người có đầy đủ trí huệ, suốt thông mọi lẽ huyền vi của Tạo Hóa.

Quá trình tu học còn dài, đòi hỏi sự kiên nhẫn, trì chí và tinh tấn với một ý chí cương quyết sắt đá và một đức tin mãnh liệt.

Thời gian là trở ngại lớn nhứt, nó bào mòn sức lực, làm nãn lòng nhục chí nếu không có một động lực to lớn thúc đẩy chúng con đó là ĐỨC TIN vững chắc nơi Đức Tôn Sư, nơi Vô Vi Quy Nguyên Pháp do Đức Tôn Sư truyền dạy và nhứt là TIN nơi sự hộ trì của Đấng Cha Lành, Đấng Mẫu Mẹ và các Đấng Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả.

Như lời Thầy dạy, chúng đệ tử nhận thấy đã đến lúc phải biểu lộ quyết tâm tiến bước trên đường đạo, không còn chần chừ được nữa.

Điều đáng mừng là phần đông các đệ tử đã biểu lộ quyết tâm cao, thể hiện qua số lượng các đệ tử đã chuyển từ ăn chay kỳ sang trường chay khá đông, có người chuyển sang độ Ngộ.

Nhìn lại đoạn đường chúng đệ tử đã đi qua mới thấy biết sự lao tâm khổ trí của Đức Tôn Sư trong sự dẫn dắt chúng đệ tử đến ngày nay. Thầy phải đắp từng chặng đường, tạo từng căn nhà nghỉ mát, lập ra bao phương tiện dẫn dụ lần từng bước như dụ đàn con thơ dại ham chơi thoát khỏi căn nhà lửa.

Nếu không có đầy đủ trí lực và lòng từ bi vô hạn thì không ai có thể làm được như vậy.

Đức Tôn Sư đã hy sinh tất cả cho chúng đệ tử, chúng con nguyện một lòng kính yêu và giữ tròn lời phát nguyện với Pháp với Đạo và với Đức Tôn Sư.

Nhân ngày Khánh Đản Lục Tuần Đại Khánh của Đức Tôn Sư, chúng con thành kính dâng lên Đức Tôn Sư những kỷ vật này để tỏ lòng tôn kính, yêu thương của chúng con. Kính mong Đức Tôn Sư hoan hỷ thọ nhận cho.

Nam Mô A Di Đà Phật
Chúng con đồng kính bái
Từ Tri Nguyên

NHỮNG BÀI THI ĐẠO

Họa bài thi của Đức Tôn Sư:

*Người biết tu hành chẳng chấp nê
Mặc cho nhân thế nhún hay trề
Làm thanh, dứt oán, gìn Tâm Đạo
Đời Đạo song hành trở lại quê*

Sư Huynh

*Lợi ích cho người chẳng chấp nê
Chủ tâm chuyển hóa khách dù trề
Tự tình phục vụ Đời tròn Đạo
Chân tánh viên minh, trở lại quê*

Từ Thiện Giao

*Trốn khổ, tránh đau, đó chấp nê
Khổ đau tự thắng, đẩy đường về
Vì Đời hành Đạo viên thông Đạo
Vì Đạo lánh Đời khó thoát mê*

Từ Thiện Giao

*Linh động, tu hành, hết chấp nê
Tự tâm điềm tịnh, chọn đường về
Dung hòa Đời, Đạo, trung dung Đạo
Tu chẳng còn tu thoát kiếp mê*

Từ Thiện Giao

*Kinh điển, thuyền bè chớ chấp nê
Mắc trong nghe thấy, tiếc chậm trề*

*Tâm Đạo, bất gìn kêu thấy Đạo
Vô sanh, vô diệt ấy về quê*

Từ Tri Nguyên

*Lợi ích cũng không mới thoát mê
Chủ tâm nên mới lự trệ trề
Phục vụ không công tròn ý Đạo
Như Lai nào có trở về quê*

Từ Tri Nguyên

*Khổ, đau tướng huyễn cõi trần nê
Biết huyễn khá là mới gọi về
Còn thấy Đạo, Đời chưa kiến Đạo
Đạo, Đời đâu khác tự mình mê*

Từ Tri Nguyên

*Thiện, Ác còn phân bởi chấp nê
Chơn Như Bốn Tịnh, mặc khen, trề
Không Ta, không Pháp kêu vào Đạo
Niết Bàn tịch tịnh thiệt là quê*

Từ Tri Nguyên

SUY TÁNH NƯỚC

*Tánh nước vô tranh chẳng vọng cầu
Trầm mình lắng đọng khắp từng sâu
Tung bay hòa hợp thông vũ trụ
Cung dưỡng tùy duyên điểm hẠng đầu
Chỉ động như không, không thấy động
Cực không mà có chẳng nề đâu
Âm thầm từ ái nuôi toàn chủng
Vạn tượng hàm dung thể nhiệm mầu*

Từ Thiện Giao

Họa bài SUY TÁNH NƯỚC

của Từ Thiện Giao

*Nước vốn không tâm, chẳng tướng cầu
Trầm mình trong nước ắt chìm sâu
Hành theo tánh nước, Tâm Vô Trụ
Bất dứt Ngã, Nhơn ấy hạnh đầu
Động, Định một loài kêu bất động
Sắc, Không đồng thể, tướng gì đâu?
Tham, Sân, Phiền não, Bồ Đề chúng
Vạn tượng qui Tâm, Thể nhiệm màu*

Từ Tri Nguyên

VỊNH THÁNH DANH

*Từ Tôn chuyển pháp độ nhân sanh
Từ tánh trao cho các cõi hành
Từ thế ban vui và cứu khổ
Từ nguyện noi theo đáng trọn lành*

*Tri kiến Phật Đà thật thậm thâm
Tri tâm, tri tánh chúng mê lầm
Tri pháp vô sanh và bất diệt
Tri vạn pháp lành sẵn tự tâm*

*Nguyên thể linh quang Đấng Chí Tôn
Nguyên lý vận xoay luật sinh tồn
Nguyên bản cội nguồn sanh vạn pháp
Nguyên nhân thức giác độ sanh hồn*

*Từ bi hoằng thệ độ sanh linh
Tri kiến Như Lai, cứu hữu hình
Nguyên bản vô sanh và bất diệt
Các cõi qui về, dứt tử sinh*

*Từ bi tánh hạnh vẫn thường trau
Tri giác tự nhiên vốn chẳng xao
Nguyên bản linh quang thường chiếu diệu
Chơn Như Phật Tánh sáng lâu lâu*

Từ tâm phổ tế
Từ tánh phổ truyền
Từ hạnh phổ nguyên
Từ thuyền phổ độ

Tri tâm vô trụ
Tri tánh vô thường
Tri pháp vô lường
Tri đạo vô thượng

Nguyên thể nhứt tôn
Nguyên căn nhứt điểm
Nguyên tâm nhứt bản
Nguyên Quy nhứt nguyện

Nguyên tâm phi tướng
Nguyên thể phi hình
Nguyên tánh phi tình
Nguyên bản phi diệu

SANG SÔNG

*Mình hạt, sương mai gầy
Ngày ngày qua bến đây
Tiền tài so gió thoảng
Danh lợi sánh mây bay
Ngắm nhìn thiên hạ sự
Như bóng trúc quét mây
Hỏi sao thanh thản vậy ?
Đường thẳng vui lắm thay*

TỪ TRI NGUYỄN
20 tháng 1 năm 1989

MỤC LỤC

1	Lời Giới Thiệu	2
2	Sự Thanh Tịnh	5
3	Vô Minh Là Gì ?	8
4	Vô Minh Sanh Hóa Ra Sao?	11
5	Trí Huệ Bát Nhã	14
6	Làm Thế Nào Để Kiến Tánh Thành Phật	19
7	Ta Có Khả Năng Thành Phật Không?	22
8	Đem Linh Quang Soi Đón Đời	30
9	Luận Thánh Danh	36
10	Đối Thoại Với Chính Mình	40
11	Bộ Thiên Phục màu thiên thanh của Đức Tôn Sư	42
12	Bài chúc thọ Đức Tôn Sư nhân ngày Khánh Đản năm Tân Mùi - 1991	44
13	Bài chúc thọ Đức Tôn Sư nhân ngày Khánh Đản năm Nhâm Thân - 1992	49
14	Bài chúc thọ Đức Tôn Sư nhân ngày Khánh Đản năm Giáp Tuất - 1994	53
15	Những Bài Thi Đạo	56